

BỘ TÀI CHÍNH-BỘ TƯ
PHÁP
Số: 93/2001/TTLT-BTC-
BTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2001

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí công chứng, chứng thực

Căn cứ Điều 16 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 8/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực;

Căn cứ Nghị định số 04/1999/NĐ-CP ngày 30/1/1999 của Chính phủ về phí, lệ phí thuộc Ngân sách nhà nước;

Liên tịch Bộ Tài chính- Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí công chứng, chứng thực như sau:

A- LỆ PHÍ CÔNG CHỨNG, CHỨNG THỰC

I- ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC THU:

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài yêu cầu Phòng Công chứng thực hiện công chứng hoặc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện chứng thực (sau đây gọi là cơ quan công chứng, chứng thực) các hợp đồng, giao dịch, giấy tờ, chữ ký,... (sau đây gọi là giấy tờ) theo quy định của pháp luật thì phải nộp lệ phí công chứng, chứng thực theo quy định tại Thông tư này.

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định về lệ phí công chứng, chứng thực khác với quy định tại Thông tư này thì áp dụng theo quy định của điều ước quốc tế đó.

2. Ban hành kèm theo Thông tư này các Biểu mức thu lệ phí công chứng, chứng thực áp dụng thống nhất trong phạm vi cả nước (các phụ lục số 1, số 2 và số 3), không phân biệt giấy tờ công chứng, chứng thực là tiếng Việt Nam hay tiếng nước ngoài.

Lệ phí công chứng, chứng thực thu bằng Đồng Việt Nam theo mức thu quy định.

3. Đối với cá nhân có hộ khẩu thường trú tại các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa theo Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg ngày 31/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi và vùng sâu, vùng xa, thì mức thu bằng 50% mức thu lệ phí công chứng, chứng thực quy định tại các Biểu mức thu ban hành kèm theo Thông tư này (sau đây gọi là giảm mức thu).

Đối tượng được giảm mức thu quy định tại điểm này phải nộp đơn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân đó có hộ khẩu thường trú (trừ trường hợp đối tượng yêu cầu chứng thực tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đối tượng được giảm lệ phí chứng thực có hộ khẩu thường trú thì không phải làm đơn) và xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc Sổ hộ khẩu gia đình cho cơ quan công chứng, chứng thực.

Trưởng phòng Công chứng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc người được ủy quyền thực hiện chứng thực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giải quyết giảm mức thu đối với từng trường hợp cụ thể, ghi vào đơn đề nghị của người yêu cầu công chứng, chứng thực. Sau khi giải quyết giảm mức thu, cơ quan công chứng, chứng thực phải lưu trữ đơn và ghi vào sổ công chứng, sổ chứng thực để theo dõi. Đối với giấy tờ phải xuất trình thì trả lại cho người yêu cầu công chứng, chứng thực. Đối với trường hợp không phải làm đơn thì người thực hiện chứng thực chỉ cần ghi chú vào Sổ chứng thực việc giảm mức thu để theo dõi.

II- TỔ CHỨC THU, NỘP VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG:

1. Cơ quan công chứng, chứng thực đồng thời thực hiện việc thu lệ phí theo quy định tại Thông tư này, có trách nhiệm:

a) Niêm yết công khai mức thu lệ phí công chứng, chứng thực tại trụ sở cơ quan nơi thu lệ phí.

b) Đăng ký, kê khai lệ phí công chứng, chứng thực với cơ quan Thuế địa phương nơi cơ quan công chứng, chứng thực đóng trụ sở.

c) Tổ chức thu, nộp lệ phí công chứng, chứng thực và mở tài khoản tạm gửi tiền thu lệ phí công chứng, chứng thực tại Kho bạc nhà nước địa phương nơi đặt trụ sở. Tùy theo số tiền thu lệ phí nhiều hay ít mà định kỳ hàng ngày (đối với Phòng Công chứng thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh) hoặc tối đa là 10 ngày một lần (đối với cơ quan công chứng, chứng thực khác), cơ quan công chứng, chứng thực tiến hành lập bảng kê, gửi tiền thu lệ phí vào tài khoản mở tại Kho bạc nhà nước.

d) Khi thu tiền lệ phí công chứng, chứng thực, cơ quan thực hiện công chứng, chứng thực phải cấp cho người nộp tiền lệ phí biên lai thu lệ phí công chứng, chứng thực do Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế) phát hành. Biên lai nhận tại Cục Thuế địa phương và được quản lý, sử dụng theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Số tiền lệ phí công chứng, chứng thực do Phòng Công chứng và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thu được quản lý sử dụng như sau:

2.1/ Phòng Công chứng, Ủy ban nhân dân cấp huyện tạm trích theo tỷ lệ (%) trên tổng số tiền lệ phí công chứng, chứng thực thu được trước khi nộp ngân sách nhà nước như sau:

- Phòng Công chứng số 1, số 2 thành phố Hồ Chí Minh: 15% (mười lăm phần trăm);

- Các Phòng Công chứng còn lại và Ủy ban nhân dân cấp huyện: 20% (hai mươi phần trăm); riêng Ủy ban nhân dân huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa: 30% (ba mươi phần trăm).

Số tiền được tạm trích theo tỷ lệ (%) quy định trên đây được sử dụng vào các nội dung chi phục vụ công tác thu lệ phí sau đây:

a) Chi trả thù lao cho cán bộ, công chức, nhân viên đảm nhận thêm công việc thu lệ phí ngoài chức năng nhiệm vụ được giao (bao gồm cả làm thêm giờ).

b) Chi phí tiền công và các khoản phụ cấp (nếu có) cho lao động thuê ngoài (kể cả chuyên gia, tư vấn và nhân viên không thuộc biên chế của đơn vị). Thủ trưởng cơ quan công chứng, chứng thực căn cứ vào khả năng nguồn thu lệ phí công chứng,